TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2022
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Bế Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Út

2. Bà Nguyễn Thị Hường

Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Biển - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lý Hoàng Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ma Thị D** - sinh năm 1992;

Địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng;

Có đơn mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* **Nông Văn T** - sinh năm 1988;

Địa chỉ: Xóm H, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng;

Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện (sửa đổi bổ sung) đề ngày 20/7/2022 và trong bản tự khai, nguyên đơn Ma Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nông Văn T kết hôn với nhau từ ngày 05/9/2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận, đến năm 2018 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do anh T rượu chè, cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, mâu thuẫn xảy ra thường xuyên nhưng chị D cố chịu đựng vì con nên cả hai vợ chồng đã tự hòa giải với nhau. Đến tháng 3 năm 2022 mâu thuẫn xảy ra đỉnh điểm chị D không chịu được nữa nên đã ly thân với anh T từ ngày 25 tháng 3 năm 2022.

Chị D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nông Trung Đ - sinh ngày 20/06/2017 (giới tính: Nam). Hiện nay cháu Đ đang ở với bố đẻ anh Nông Văn T.

Sau khi ly hôn, chị D nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Nông Trung Đ - sinh ngày 20/6/2017 (giới tính: Nam). Không đặt ra việc yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản biên bản lấy lời khai, bị đơn Nông Văn T trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như phần trình bày của nguyên đơn Ma Thị D.

Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không phải mâu thuẫn quá lớn, lý do là vì chị Du và bố mẹ đẻ của anh T không hợp nhau nên đôi lúc có lời qua tiếng lại. Anh T trình bày hai vợ chồng ly thân với nhau kể từ ngày 27/02/2022 (Âm lịch). Nay chị D có yêu cầu xin được ly hôn, anh T không đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nông Trung Đ - sinh ngày 20/06/2017 (giới tính: Nam). Hiện nay cháu Đ đang ở với bố đẻ anh Nông Văn T. Hiện nay con chung đang ở với anh Nông Văn T.

Sau khi ly hôn, anh T nhận mình sẽ là người trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Trung Đ - sinh ngày 20/6/2017 (giới tính: Nam). Và không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt, các văn bản theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền và nghĩa vụ cho các bên đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng:

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, qua giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi nhận đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán được phân công thụ

lý giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng. Các đương sự cũng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Ma Thị D.

Về việc nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Giao cho anh Nông Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nông Trung Đ - sinh ngày 20/6/2017 (giới tính: Nam). Cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Không đặt ra việc yêu cầu cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những văn bản trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ma Thị D có đơn xin ly hôn với anh Nông Văn T (địa chỉ: Xóm Hạnh P, xã Hoàng T, huyện H, tỉnh Cao Bằng) nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm b khoản 1Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị D và anh Nông Văn T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, trước khi khi kết hôn có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng vào ngày 05/8/2016. Do vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa Chị Ma Thị D và anh Nông Văn T là hợp pháp.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Theo lời khai của hai bên đương sự, chị D và anh T sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng do chị D không hòa hợp được với bố mẹ chồng, nên giữa hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi chửi nhau, không có tiếng nói chung, anh T không quan tâm tới vợ con, hay rượu chè. Đến ngày 25/3/2022 mâu thuẫn đến đỉnh điểm nên hai vợ chồng đã ly thân kể từ đó và không quan tâm đến nhau

nữa. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Xét yêu cầu của chị D là có cơ sở bởi hôn nhân cần được xây dựng trên nền tảng của sự yêu thương, tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ, trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau, khi vợ chồng xích mích mâu thuẫn, anh T không quan tâm, tạo nên áp lực, tâm lý tổn thương đối với chị D. Nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 25/3/2022 chị D đã xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên yêu cầu tòa án giải quyết xin ly hôn với anh T. Do vậy, căn cứ Điều 51 "Quyền yêu cầu giải quyết ly hôn", Điều 56 "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ma Thị D.

[3] Về con chung: Hai bên đương sự xác nhận có một con chung là Nông Trung Đ - sinh ngày 20/6/2017 (giới tính: Nam). Hiện nay con chung đang ở với anh Nông Văn T tại xóm H, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

[4] Về việc nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Do hiện nay, chị D đang đi làm ăn xa không ở quê nên không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cho con chung được tốt. Trong biên bản lấy lời các đương sự đều thừa nhận, con chung là Nông Trung Đ - sinh ngày 20/6/2017 (giới tính: Nam) hiện nay đang ở với anh Nông Văn T tại xóm H, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nên về việc nuôi con chung; Giao con cho anh Nông Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nông Trung Đ - sinh ngày 20/6/2017 (giới tính: Nam).

Không đặt ra việc yêu cầu cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự đều xác nhận không có tài sản chung và các khoản nợ chung.Nên cả hai bên đương sự không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 21; Điều 147; Điều 207; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nay xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị D về việc xin ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: chị Ma Thị D được ly hôn với anh Nông Văn T.

2. Về việc nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Giao cho anh Nông Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nông Trung Đ - sinh ngày 20/6/2017 (giới tính: Nam). Cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Không đặt ra việc yêu cầu cấp dưỡng.

3.Về án phí*:* chị Ma Thị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn sung công quỹ Nhà nước; nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003623 ngày 25/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị Ma Thị D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện HA;
- Thi hành án DS huyện Hòa An;
- Đương sự;
- UBND nơi đăng ký HK của các bên đương sự
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bế Lan Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**